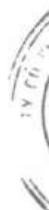


CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	04-05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	06-07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10-37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán Quý I năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Đức Thuần	Chủ tịch
Ông Trần Xuân Vinh	Thành viên
Ông Đặng Minh Quang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Xuân Vinh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/03/2026
Ông Nguyễn Quang Phi Tín	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/03/2026

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thanh Huyền	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên
Ông Ngô Văn Thuận	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

MAU SO B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		833,098,069,417	727,773,243,392
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	22,406,263,542	14,757,711,969
1. Tiền	111		11,025,266,377	3,422,339,838
2. Các khoản tương đương tiền	112		11,380,997,165	11,335,372,131
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	54,200,000,000	30,200,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		54,200,000,000	30,200,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		512,190,992,981	467,502,645,173
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	360,841,490,718	448,606,812,683
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	150,833,360,750	18,379,690,977
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	9	516,141,513	516,141,513
IV. Hàng tồn kho	140	10	243,669,364,109	214,982,062,005
1. Hàng tồn kho	141		243,669,364,109	214,982,062,005
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		631,448,785	330,824,245
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	14	372,971,878	330,824,245
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		258,476,907	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		420,825,279,533	423,780,733,836
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		152,000,000	152,000,000
1. Tài sản dài hạn khác	215	9	152,000,000	152,000,000
II. Tài sản cố định	220		109,654,238,410	111,430,231,413
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	108,251,775,408	109,794,024,578
- Nguyên giá	222		159,097,585,176	159,097,585,176
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50,845,809,768)	(49,303,560,598)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1,402,463,002	1,636,206,835
- Nguyên giá	228		6,098,456,667	6,098,456,667
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4,695,993,665)	(4,462,249,832)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	250	11	45,065,633,936	45,065,633,936
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		45,065,633,936	45,065,633,936
V. Đầu tư tài chính dài hạn	260	6	207,650,000,000	207,650,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	261		207,650,000,000	207,650,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	270		58,303,407,187	59,482,868,487
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	14	57,328,994,975	58,576,546,411
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	20	974,412,212	906,322,076
TONG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	280		1,253,923,348,950	1,151,553,977,228

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2026	01/01/2026
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		709,010,258,820	606,862,921,070
I. Nợ ngắn hạn	310		653,714,465,234	548,495,698,912
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	25,533,139,585	68,562,426,620
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	71,926,168,961	59,552,591,244
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	17	22,964,073,135	20,871,728,788
4. Phải trả người lao động	315		2,370,097,426	2,304,847,568
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		829,825,754	829,825,754
6. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	4,545,455
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	18	47,090,821,718	486,139,940
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	19	481,643,218,760	394,526,473,648
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1,357,119,895	1,357,119,895
II. Nợ dài hạn	330		55,295,793,586	58,367,222,158
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	19	55,295,793,586	58,367,222,158
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		544,913,090,130	544,691,056,158
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	544,913,090,130	544,691,056,158
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		312,493,940,000	312,493,940,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		312,493,940,000	312,493,940,000
2. Thặng dư vốn	412		79,978,400,000	79,978,400,000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3,055,393,794	3,055,393,794
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		149,385,356,336	149,163,322,364
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		149,163,322,364	103,102,035,880
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		222,033,972	46,061,286,484
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1,253,923,348,950	1,151,553,977,228

Trần Thị Sáng
Người lập

Trần Thị Sáng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

			MÃU SỐ B 02-DN		
			Đơn vị: VND		
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2026	Quý I năm 2025	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026
			VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	159,895,992,479	167,508,290,404	167,508,290,404
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	1,553,737,233	3,814,939,491	3,814,939,491
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		158,342,255,246	163,693,350,913	163,693,350,913
4. Giá vốn hàng bán	11	24	126,772,556,968	134,562,719,479	134,562,719,479
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		31,569,698,278	29,130,631,434	29,130,631,434
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	25	435,805,289	417,359,429	417,359,429
8. Chi phí tài chính	23	26	11,587,310,578	6,362,671,940	6,362,671,940
Trong đó: Chi phí lãi vay	24		11,587,310,578	6,362,671,940	6,362,671,940
9. Chi phí bán hàng	25	27	11,173,421,284	8,022,133,213	8,022,133,213
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	5,492,180,344	4,511,575,729	4,511,575,729
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		3,752,591,361	10,651,609,981	10,651,609,981
12. Thu nhập khác	31		40,210	1,786	1,786
13. Chi phí khác	32	29	1,618,665,742	2,105,495,834	2,105,495,834
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1,618,625,532)	(2,105,494,048)	(2,105,494,048)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,133,965,829	8,546,115,933	8,546,115,933

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

MÃU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2026		Quý I năm 2025		Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026		Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	
			VND		VND		VND		VND	
(50=30+40)										
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30		1,980,021,993		2,166,391,346		1,980,021,993		2,166,391,346
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			(68,090,136)		(68,090,136)		(68,090,136)		(68,090,136)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60			222,033,972		6,447,814,723		222,033,972		6,447,814,723
(60=50-51-52)										

Trần Thị Sáng
Người lập

Trần Thị Sáng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNGCho kỳ kế toán Quý I năm 2026
(Theo phương pháp gián tiếp)Mẫu số B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2,133,965,829	8,546,115,933
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1,775,993,003	2,619,635,998
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(435,805,289)	276,051,746
- Chi phí lãi vay	06		11,587,310,578	6,362,671,940
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15,061,464,121	17,804,475,617
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(44,827,612,044)	23,077,019,298
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(28,687,302,104)	(33,111,598,333)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		16,002,786,546	(9,257,957,291)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		1,205,403,803	3,638,382,495
- Chi phí đi vay đã trả	14		(11,587,310,578)	(6,329,540,966)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(645,204,238)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(52,832,570,256)	(4,824,423,418)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(24,000,000,000)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		435,805,289	417,359,429
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(23,564,194,711)	417,359,429
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		309,269,279,250	202,707,554,014
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(225,223,962,710)	(197,541,714,308)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		84,045,316,540	5,165,839,706

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		7,648,551,573	758,775,717
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		14,757,711,969	27,088,661,636
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	22,406,263,542	27,847,437,353


Trần Thị Sáng
Người lập

Trần Thị Sáng
Kế toán trưởngNguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105950129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 03 tháng 08 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 312.493.940.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2026 là 312.493.940.000 đồng; tương đương 31,249,394 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất và kinh doanh các loại bánh.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại bánh từ bột, sản xuất đường, cacao, sô cô la và mứt kẹo;
- Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất rượu vang, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Bán buôn gạo, bán buôn thực phẩm, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Bán lẻ khác trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Công ty có các Công ty con như sau:

Tên Công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	TP. Hà Nội	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất bánh kẹo
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại Bảo An Hà Nam	Hà Nam	Sản xuất sản phẩm từ plastic

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 6.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 44	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10	năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 năm đến 05 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí bảo hiểm, chi phí cải tạo, sửa chữa, công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí chờ phân bổ khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt	1,302,005,891	1,419,114,869
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9,723,260,486	2,003,224,969
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	5,458,629,582	349,667,361
Ngân hàng TMCP Quân Đội	3,312,457,217	7,246,926
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1,286,497	1,003,780,822
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	1,956,933	264,436,309
Các ngân hàng khác	948,930,257	378,093,551
Các khoản tương đương tiền	11,380,997,165	11,335,372,131
	22,406,263,542	14,757,711,969

Tại 31/03/2026, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 3,2% - 4,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

6 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2026				01/01/2026			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	
Đầu tư ngắn hạn	54,200,000,000	54,200,000,000	-		30,200,000,000	30,200,000,000	-	
Tiền gửi có kỳ hạn	54,200,000,000	54,200,000,000	-		30,200,000,000	30,200,000,000	-	
	54,200,000,000	54,200,000,000	-		30,200,000,000	30,200,000,000	-	

Tại 31/03/2026, khoản đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng với lãi suất từ 3,2%/năm đến 6,2%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2026				01/01/2026			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	
Đầu tư vào công ty con	207,650,000,000	207,650,000,000	-		207,650,000,000	207,650,000,000	-	
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	21,600,000,000	21,600,000,000	-		21,600,000,000	21,600,000,000	-	
Công ty Cổ phần Dầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	87,050,000,000	87,050,000,000	-		87,050,000,000	87,050,000,000	-	
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương mại Bảo An Hà Nam	99,000,000,000	99,000,000,000	-		99,000,000,000	99,000,000,000	-	
	207,650,000,000	207,650,000,000	-		207,650,000,000	207,650,000,000	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/03/2026 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	Hà Nội	90.00%	90.00%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	Hồ Chí Minh	96.72%	96.72%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương mại Bảo An Hà Nam	Ninh Bình	99.00%	99.00%	Sản xuất sản phẩm từ plastic

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần ABG Việt Nam	71,404,627,433	-	52,079,875,862	-
Công ty cổ phần đầu tư công nghệ phân phối FDC	51,221,187,967	-	50,435,336,960	-
Công ty Cổ phần thương mại Quốc tế Bavigo	77,655,492,973	-	77,482,018,384	-
Công ty Cổ phần Đầu tư HDE Holdings	37,186,525,447	-	20,901,096,015	-
Công ty TNHH Phát Triển Hải Việt Đan	35,503,000,000	-	35,503,000,000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	87,870,656,898	-	212,205,485,462	-
	360,841,490,718	-	448,606,812,683	-
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	77,710,025,475	-	77,666,092,937	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.)</i>				

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	42,714,379,114	-	-	-
Công ty Cổ phần Cà phê Mê Trang	28,044,114,102	-	16,722,274,191	-
Công ty TNHH Gia Phúc Lâm	35,000,000,000	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	31,453,128,231	-	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại Ngọc Bảo	10,503,205,143	-	-	-
Trả trước khác	3,118,534,160	-	1,657,416,786	-
	150,833,360,750	-	18,379,690,977	-
b) Trả trước người bán là các bên liên quan	102,211,621,447	-	16,722,274,191	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo.***9 . PHẢI THU KHÁC**

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	483,925,780	-	483,925,780	-
Phải thu khác	32,215,733	-	32,215,733	-
	516,141,513	-	516,141,513	-
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	152,000,000	-	152,000,000	-
	152,000,000	-	152,000,000	-

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hoá	10,537,454,551	-	10,899,220,521	-
Hàng gửi đi bán	233,131,909,558	-	204,082,841,484	-
	243,669,364,109	-	214,982,062,005	-

11 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Sửa chữa toà nhà Bảo Ngọc	45,065,633,936	45,065,633,936	45,065,633,936	45,065,633,936
	45,065,633,936	45,065,633,936	45,065,633,936	45,065,633,936

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BÁO NGỌC

Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thị trấn Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Tại ngày 01/01/2026	90,172,206,498	60,863,721,406	6,523,727,272	1,369,500,000	168,430,000	159,097,585,176	
Tại ngày 31/03/2026	90,172,206,498	60,863,721,406	6,523,727,272	1,369,500,000	168,430,000	159,097,585,176	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Tại ngày 01/01/2026	11,058,354,925	30,716,412,132	6,101,918,757	1,274,547,322	152,327,462	49,303,560,598	
Trích khấu hao	716,843,154	733,064,491	48,650,091	41,148,928	2,542,506	1,542,249,170	
Tại ngày 31/03/2026	11,775,198,079	31,449,476,623	6,150,568,848	1,315,696,250	154,869,968	50,845,809,768	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2026	79,113,851,573	30,147,309,274	421,808,515	94,952,678	16,102,538	109,794,024,578	
Tại ngày 31/03/2026	78,397,008,419	29,414,244,783	373,158,424	53,803,750	13,560,032	108,251,775,408	

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 339,838,386 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 11.089.279.228 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2026	6,098,456,667	6,098,456,667
Tại ngày 31/03/2026	6,098,456,667	6,098,456,667
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2026	4,462,249,832	4,462,249,832
Trích khấu hao	233,743,833	233,743,833
Tại ngày 31/03/2026	4,695,993,665	4,695,993,665
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2026	1,636,206,835	1,636,206,835
Tại ngày 31/03/2026	1,402,463,002	1,402,463,002

14 . CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	10,568,470	16,333,947
Chi phí bảo hiểm	50,207,721	31,586,022
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	38,456,485	82,420,105
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	273,739,202	200,484,171
	372,971,878	330,824,245
b) Chi phí chờ phân bổ dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	86,752,640	85,305,001
Chi phí thuê văn phòng	43,660,569,600	44,779,665,600
Chi phí tiền thuê đất	13,498,697,587	13,615,460,872
Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	82,975,148	96,114,938
	57,328,994,975	58,576,546,411

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp	1,824,282,214	5,785,975,814
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hạ Tầng ANAMA	1,659,285,000	4,990,545,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại Tiến Nhân	7,030,709,162	437,698,122
Công ty TNHH Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	-	35,754,905,403
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư AloHome	7,472,197,330	7,472,197,330
Các khoản phải trả khác	7,546,665,879	14,121,104,951
	25,533,139,585	68,562,426,620
b) Phải trả người bán là các bên liên quan		
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.)	-	37,074,196,289

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa (*)	55,000,000,000	54,200,000,000
Công ty Cổ phần Á Long	-	670,000,000
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao Bì Tây Đô	8,707,329,996	-
Hợp Tác Xã Vận Tải Thái Bình Dương	1,230,834,042	-
Hợp Tác Xã Vận Tải Du Lịch Sài Gòn	963,599,716	-
Các đối tượng khác	6,024,405,207	4,682,591,244
	71,926,168,961	59,552,591,244

(*) Đây là khoản tiền mà Công ty trên trả trước tiền liên quan đến hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất thuê ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ: Lô A2 CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc đã lập hóa đơn cho giao dịch chuyển nhượng này vào ngày 09/02/2023 tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, giao dịch chuyển nhượng trên chưa được hoàn thành về mặt pháp lý do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất chưa được sang tên cho Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa.

Người mua trả tiền trước là các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.)

8,707,329,996	670,000,000
----------------------	--------------------

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	6,461,160,878	12,704,674,649	12,704,674,647	6,461,160,880
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	14,367,329,578	1,980,021,993	-	16,347,351,571
Thuế Thu nhập cá nhân	43,238,332	112,322,352	-	155,560,684
	20,871,728,788	14,797,018,994	12,704,674,647	22,964,073,135

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	480,397,887	1,764,160
Bảo hiểm y tế	90,075,306	-
Bảo hiểm thất nghiệp	35,820,370	-
Mượn tiền ông Trần Viết Thóa	9,000,000,000	-
Mượn tiền ông Đinh Xuân Hải	9,000,000,000	-
Mượn tiền bà Cù Thị Hoài Thương	9,000,000,000	-
Mượn tiền bà Lê Thị Tuyết Lan	9,000,000,000	-
Mượn tiền bà Nguyễn Thị Hương Trang	10,000,000,000	-
Các khoản phải trả khác	484,528,155	484,375,780
	47,090,821,718	486,139,940

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÀO TỬ BẢO NGỌC

Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

19 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09-DN

	01/01/2026		Trong kỳ		31/03/2026	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	382,250,838,666	382,250,838,666	309,269,279,250	(222,152,534,138)	469,367,583,778	469,367,583,778
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2,353,308,495	2,353,308,495	7,121,765,500	(7,030,000,000)	2,445,073,995	2,445,073,995
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	8,576,671,400	8,576,671,400	5,622,292,000	(4,806,083,288)	9,392,880,112	9,392,880,112
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Bắc Ninh	49,995,000,000	49,995,000,000	-	-	49,995,000,000	49,995,000,000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	74,820,320,156	74,820,320,156	42,000,000,000	(41,998,367,260)	74,821,952,896	74,821,952,896
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	21,972,371,256	21,972,371,256	-	-	21,972,371,256	21,972,371,256
Ngân hàng TMCP An Bình	199,736,746,330	199,736,746,330	168,525,221,750	(168,318,083,590)	199,943,884,490	199,943,884,490
Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN - Chi nhánh Đồng Nai	-	-	60,000,000,000	-	60,000,000,000	60,000,000,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	24,796,421,029	24,796,421,029	26,000,000,000	-	50,796,421,029	50,796,421,029
Nợ dài hạn đến hạn trả	12,275,634,982	12,275,634,982	3,071,428,572	(3,071,428,572)	12,275,634,982	12,275,634,982
Ngân hàng TMCP An Bình	12,275,634,982	12,275,634,982	3,071,428,572	(3,071,428,572)	12,275,634,982	12,275,634,982
Tổng cộng	394,526,473,648	394,526,473,648	312,340,707,822	(225,223,962,710)	481,643,218,760	481,643,218,760
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Ngân hàng TMCP An Bình	58,367,222,158	58,367,222,158	-	(3,071,428,572)	55,295,793,586	55,295,793,586
	58,367,222,158	58,367,222,158	-	(3,071,428,572)	55,295,793,586	55,295,793,586

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/03/2026	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
<i>Đơn vị tính: đồng</i>								
1	Vay ngắn hạn					469,367,583,778	469,367,583,778	
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam					2,445,073,995	2,445,073,995	
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 406-03/2024- HDCVHM/NHCT131-BN ngày 16/01/2024	45,000,000,000	Tài trợ vốn lưu động, nhập khẩu/mua trong nước nguyên vật liệu/hàng hóa liên quan đến hoạt động kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	2,445,073,995	2,445,073,995	- Đảm bảo bằng tài sản
2	Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam					9,392,880,112	9,392,880,112	
	Hợp đồng tín dụng số HN/2022/02/BCB/HDTD ngày 12/01/2022 và hợp đồng bổ sung số HN/2022/02/BCB/HDTD/BS1 ngày 11/01/2023	70,000,000,000	Tài trợ vốn lưu động, nhập khẩu/mua trong nước nguyên vật liệu/hàng hóa liên quan đến hoạt động kinh doanh	Tối đa không quá 6 tháng	Áp dụng từng lần giải ngân	9,392,880,112	9,392,880,112	- Đảm bảo bằng tài sản
3	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Bắc Ninh					49,995,000,000	49,995,000,000	
	Hợp đồng cho vay hạn mức số VN123001244/2023- HDCVHM/WBVN300 ngày 28/02/2023	50,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh sản phẩm từ bột mì và các sản phẩm bánh kẹo khác	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	49,995,000,000	49,995,000,000	- Đảm bảo bằng tài sản
4	Ngân hàng TMCP Quân Đội					74,821,952,896	74,821,952,896	
	Hợp đồng cấp tín dụng số 234855.24.056.1516289.TD ngày 08/08/2024	75,000,000,000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bánh kẹo	Từ ngày giao kết hợp đồng đến 15/07/2025	Theo từng giấy nhận nợ	74,821,952,896	74,821,952,896	- Đảm bảo bằng tài sản
5	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng					21,972,371,256	21,972,371,256	
	Hợp đồng cấp tín dụng số CLC-26425-01 ngày 06/09/2024	80,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	21,972,371,256	21,972,371,256	- Đảm bảo bằng tài sản
6	Ngân hàng TMCP An Bình					199,943,884,490	199,943,884,490	
	Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1140/24/TDSME/116 ngày 24/09/2024	200,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	199,943,884,490	199,943,884,490	- Đảm bảo bằng tài sản
7	Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN - Chi nhánh Đồng Nai					60,000,000,000	60,000,000,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Đơn vị tính: đồng								
STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Đư nợ tại thời điểm 31/03/2026	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
	Thỏa thuận tín dụng số 100013731.D001202622 ngày 20/03/2026	60,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	60,000,000,000	60,000,000,000	- Đảm bảo bằng tài sản
8	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong							
	Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 292/2025/HĐTD/HTH ngày 27/11/2025	100,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	50,796,421,029	50,796,421,029	- Tín chấp
II	Vay dài hạn							
1	Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN - Chi nhánh Đồng Nai							
	Hợp đồng cho vay từng lần số 114/2/24/TĐ/SNME/116 ngày 24/09/2024	86,000,000,000	Vay bù đắp tài chính	84 tháng	9%/năm	67,571,428,568	12,275,634,982	- Đảm bảo bằng tài sản
	Tổng cộng các khoản vay							
						536,939,012,346	481,643,218,760	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***20 . TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	974,412,212	906,322,076
	974,412,212	906,322,076

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Từ ngày 01/01/2025 đến 31/03/2025						
Tại ngày 01/01/2025	312,493,940,000	79,978,400,000	-	3,055,393,794	103,102,035,880	498,629,769,674
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	6,447,814,723	6,447,814,723
Tại ngày 31/03/2025	312,493,940,000	79,978,400,000	-	3,055,393,794	109,549,850,603	505,077,584,397
Từ ngày 01/01/2026 đến 31/03/2026						
Tại ngày 01/01/2026	312,493,940,000	79,978,400,000	-	3,055,393,794	149,163,322,364	544,691,056,158
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	222,033,972	222,033,972
Tại ngày 31/03/2026	312,493,940,000	79,978,400,000	-	3,055,393,794	149,385,356,336	544,913,090,130

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	31/03/2026	Tỷ lệ	01/01/2026
	(%)	VND	(%)	VND
Ông Lê Đức Thuận	36.06%	112,696,680,000	36.06%	112,696,680,000
Các cổ đông khác	63.94%	199,797,260,000	63.94%	199,797,260,000
	100%	312,493,940,000	100%	312,493,940,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý I năm 2026	Quý I năm 2025
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	312,493,940,000	312,493,940,000
- Vốn góp đầu kỳ	312,493,940,000	312,493,940,000
- Vốn góp cuối kỳ	312,493,940,000	312,493,940,000

d) Cổ phiếu

	31/03/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	31,249,394	31,249,394
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	31,249,394	31,249,394
- Cổ phiếu phổ thông	31,249,394	31,249,394
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31,249,394	31,249,394
- Cổ phiếu phổ thông	31,249,394	31,249,394
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3,055,393,794	3,055,393,794
	3,055,393,794	3,055,393,794

22 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý I năm 2026	Quý I năm 2025
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	12,260,900,000	48,995,641,543
Doanh thu bán hàng hóa	147,616,910,660	118,512,648,861
Doanh thu khác	18,181,819	-
	159,895,992,479	167,508,290,404
Doanh thu đối với các bên liên quan	1,659,631,566	3,891,282,122

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo.***23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Quý I năm 2026	Quý I năm 2025
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1,203,212,467	2,257,109,786
Hàng bán bị trả lại	350,524,766	1,557,829,705
	1,553,737,233	3,814,939,491

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý I năm 2026	Quý I năm 2025
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4,439,062,593	44,031,203,312
Giá vốn của hàng hóa đã bán	122,333,494,375	90,531,516,167
	126,772,556,968	134,562,719,479

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý I năm 2026	Quý I năm 2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	435,805,289	417,359,429
	435,805,289	417,359,429

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý I năm 2026	Quý I năm 2025
	VND	VND
Lãi tiền vay	11,587,310,578	6,362,671,940
	11,587,310,578	6,362,671,940

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý I năm 2026	Quý I năm 2025
	VND	VND
Chi phí nhân công	5,671,893,116	2,649,019,234
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42,641,203	176,075,184
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,449,086,965	5,136,438,795
Chi phí khác bằng tiền	9,800,000	60,600,000
	11,173,421,284	8,022,133,213

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý I năm 2026	Quý I năm 2025
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	85,189,969	121,536,686
Chi phí nhân công	2,810,514,046	1,226,027,515
Chi phí khấu hao tài sản cố định	347,366,238	353,037,653
Thuế, phí, lệ phí	15,288,762	13,025,066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	841,707,767	1,519,741,717
Chi phí khác bằng tiền	1,392,113,562	1,278,207,092
	5,492,180,344	4,511,575,729

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***29 . CHI PHÍ KHÁC**

	Quý I năm 2026	Quý I năm 2025
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	693,411,175
Các khoản bị phạt	-	902,468,633
Chi phí khấu hao	1,385,985,562	-
Chi phí khác	232,680,180	509,616,026
	1,618,665,742	2,105,495,834

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý I năm 2026	Quý I năm 2025
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,133,965,829	8,546,115,933
Các khoản điều chỉnh tăng	7,766,144,135	2,285,840,798
- Chi phí không hợp lệ	1,618,665,742	2,105,495,834
- Chi phí lãi vay bị loại do GD liên kết	6,147,478,393	180,344,964
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	9,900,109,964	10,831,956,731
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1,980,021,993	2,166,391,346

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý I năm 2026	Quý I năm 2025
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4,403,391,693	40,764,355,400
Chi phí nhân công	8,603,268,031	5,422,089,370
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,775,993,003	2,238,094,576
Chi phí thuế và lệ phí	15,288,762	13,025,066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,407,558,017	6,793,785,532
Chi phí khác bằng tiền	1,401,913,562	1,338,807,092
	22,607,413,068	56,570,157,036

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22,406,263,542	-	14,757,711,969	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	361,509,632,231	-	449,274,954,196	-
Đầu tư ngắn hạn	54,200,000,000	-	30,200,000,000	-
	438,115,895,773	-	494,232,666,165	-
			Giá trị sổ kế toán	
			31/03/2026	1/1/2026
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			536,939,012,346	452,893,695,806
Phải trả người bán, phải trả khác			72,623,961,303	69,048,566,560
Chi phí phải trả			829,825,754	829,825,754
			610,392,799,403	522,772,088,120

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/03/2026				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22,406,263,542	-	-	22,406,263,542
Phải thu khách hàng, phải thu khác	361,357,632,231	152,000,000	-	361,509,632,231
Đầu tư ngắn hạn	54,200,000,000	-	-	54,200,000,000
	437,963,895,773	152,000,000	-	438,115,895,773
Tại ngày 01/01/2026				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14,757,711,969	-	-	14,757,711,969
Phải thu khách hàng, phải thu khác	449,122,954,196	152,000,000	-	449,274,954,196
Đầu tư ngắn hạn	30,200,000,000	-	-	30,200,000,000
	494,080,666,165	152,000,000	-	494,232,666,165

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/03/2026				
Vay và nợ	481,643,218,760	55,295,793,586	-	536,939,012,346
Phải trả người bán, phải trả khác	72,623,961,303	-	-	72,623,961,303
Chi phí phải trả	829,825,754	-	-	829,825,754
	555,097,005,817	55,295,793,586	-	610,392,799,403
Tại ngày 01/01/2026				
Vay và nợ	394,526,473,648	58,367,222,158	-	452,893,695,806
Phải trả người bán, phải trả khác	69,048,566,560	-	-	69,048,566,560
Chi phí phải trả	829,825,754	-	-	829,825,754
	464,404,865,962	58,367,222,158	-	522,772,088,120

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất VND	Hoạt động thương mại và dịch vụ khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	12,260,900,000	146,081,355,246	158,342,255,246
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	4,439,062,593	122,333,494,375	126,772,556,968
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	7,821,837,407	23,747,860,871	31,569,698,278
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-
Tài sản bộ phận trực tiếp	29,414,244,783	119,187,454,551	148,601,699,334
Tài sản không phân bổ	-	-	1,105,321,649,616
Tổng tài sản	29,414,244,783	119,187,454,551	1,253,923,348,950
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	709,010,258,820
Tổng nợ phải trả	-	-	709,010,258,820

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 19.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Quý I năm 2026	Quý I năm 2025
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		1,659,631,566	3,891,282,122
Công ty CP Á Long	(1)	22,715,280	16,115,543
Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Hoa Việt	(2)	18,263,889	-
Công ty CP Sản xuất Bao bì Tây Đô	(3)	35,805,559	19,295,841
Công ty CP Thương mại Quốc tế Bavigo	(4)	1,582,846,838	3,855,870,738
Mua hàng hóa, dịch vụ		131,265,778,468	132,100,777,529
Công ty TNHH đầu tư sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	Công ty con	60,254,512,900	85,050,813,013
Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	Công ty Con	71,010,000,000	47,049,633,200
Công ty CP Thương mại Quốc tế Bavigo	(4)	1,265,568	331,316
Công ty cổ phần Tập Đoàn Cà Phê Mê Trang	(5)	-	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ:

	Mối quan hệ	31/03/2026	01/01/2026
		VND	VND
Phải thu khách hàng		77,710,025,475	77,666,092,937
Công ty CP Á Long	(1)	54,532,502	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Cà Phê Mê Trang	(5)	-	184,074,553
Công ty CP Thương mại Quốc tế Bavigo	(4)	77,655,492,973	77,482,018,384
Trả trước cho người bán		102,211,621,447	16,722,274,191
Công ty TNHH đầu tư sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	Công ty con	31,453,128,231	-
Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	Công ty con	42,714,379,114	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Cà Phê Mê Trang	(5)	28,044,114,102	16,722,274,191
Phải trả người bán		-	37,074,196,289
Công ty TNHH Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	Công ty con	-	35,754,905,403
Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	Công ty con	-	1,319,290,886
Người mua trả tiền trước		8,707,329,996	670,000,000
Công ty CP Sản xuất Bao bì Tây Đô	(3)	8,707,329,996	-
Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Hoa Việt	(2)	-	-
Công ty Cổ phần Á Long	(1)	-	670,000,000

(1) Chủ tịch HĐQT của Công ty, đồng thời là cổ đông lớn kiêm Tổng giám đốc của Công ty trên.

(2) Công ty liên kết của Công ty con - Công ty Bảo Ngọc Miền Bắc đến ngày 09/03/2026.

(3) Chủ tịch HĐQT Công ty trên đồng thời là Tổng Giám đốc của Công ty mẹ.

(4) Thành viên HĐQT Công ty là Giám đốc của bên liên quan.

(5) Chủ tịch HĐQT Công ty là thành viên HĐQT của bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng Quý I và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2025, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý I, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng Quý I và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán Quý I năm 2025 do Công ty lập.



Trần Thị Sáng
Người lập



Trần Thị Sáng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC**

Số: 36/CV-2026

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế
chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ
năm trước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0105950129

Trụ sở: Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0243 7805 022

Website: <http://banhbaongoc.vn>

Căn cứ vào khoản 4 điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC- Hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư Bảo Ngọc xin giải trình liên quan đến Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 cụ thể như sau:

Tại báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư Bảo Ngọc chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ năm 2025, số liệu theo bảng dưới đây:

SỐ LIỆU BÁO CÁO RIÊNG

Chỉ tiêu	Quý 1 năm 2026	Quý 1 năm 2025	Chênh lệch (%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	158,342,255,246	163,693,350,913	-3.27%
Giá vốn hàng bán	126,772,556,968	134,562,719,479	-5.79%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	222,033,972	6,447,814,723	-96.56%



SỐ LIỆU BÁO CÁO HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Quý 1 năm 2026	Quý 1 năm 2025	Chênh lệch (%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	202,242,431,469	403,149,535,735	-49.83%
Giá vốn hàng bán	166,937,807,485	372,153,995,696	-55.14%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3,130,848,150	(3,766,816,396)	183.12%

Lý do Lợi nhuận sau thuế chênh lệch trên 10%:

Đối với báo cáo tài chính riêng:

Trong kỳ, doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận mức giảm 3,27% so với cùng kỳ năm trước. Đồng thời, các khoản chi phí bao gồm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính (đặc biệt là chi phí lãi vay) đều gia tăng, chủ yếu do tác động của việc các ngân hàng điều chỉnh tăng lãi suất thả nổi.

Sự sụt giảm doanh thu cùng với áp lực chi phí gia tăng đã dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm trước.

Đối với báo cáo tài chính hợp nhất:

Doanh thu thuần hợp nhất trong kỳ giảm mạnh 49,83% so với cùng kỳ, nguyên nhân chủ yếu do Công ty đã thực hiện thoái vốn tại công ty con Thành Nam từ cuối năm 2025, dẫn đến việc không còn ghi nhận doanh thu hợp nhất từ đơn vị này.

Các khoản chi phí như chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính trong kỳ có biến động nhưng không đáng kể, không phải là yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả lợi nhuận.

Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế hợp nhất trong Quý I năm 2026 vẫn ghi nhận mức tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do, vào ngày 09/03/2026, Công ty con Bảo Ngọc Miền Bắc đã hoàn tất việc thoái vốn tại Công ty Hoa Việt, qua đó đơn vị này không còn được ghi nhận là công ty liên kết. Theo đó, Công ty đã thực hiện hoàn nhập khoản dự phòng đầu tư với giá trị hơn 4 tỷ đồng, góp phần làm gia tăng lợi nhuận trong kỳ.

Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 đã được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ: <http://banhbaongoc.vn>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Đăng tải lên Website
- Lưu VT

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
ĐẦU TƯ BẢO NGỌC**

(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Quang Phi Tín

